FireAnt

CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (HSX: NHT)

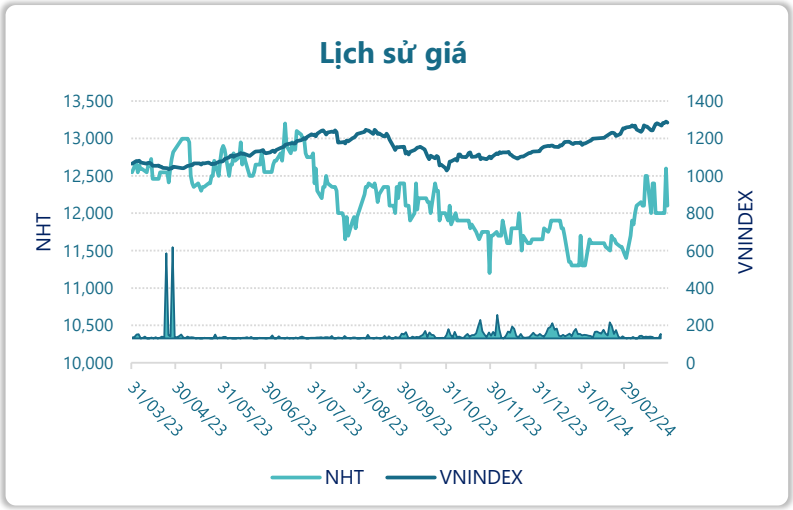

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
SL cổ phiếu LH	24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,616
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
P/E	-413.1
EPS	-29

DT thuần

Q1/24

63.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.0| -25.6%

YoY: ▼32.6| -33.8%

LN sau thuế

Q1/24

-6.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.87| -423%

YoY: ▲ 0.08| 1.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

-3.7%

+/- YoY: ▼ 12.8%

DT thuần

2023

310

tỷ VNĐ

YoY: ▼570| -64.8%

LN sau thuế

2023

-20.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼83.8| -132%

ROE

2023

0.1%

+/- YoY: ▼ 16.1%

Kết quả kinh doanh

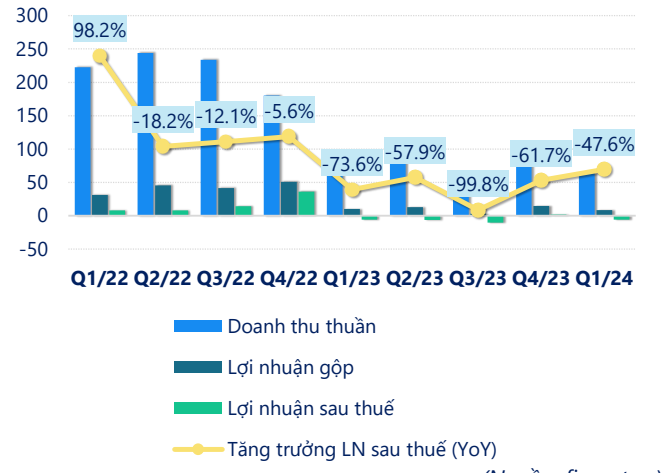

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

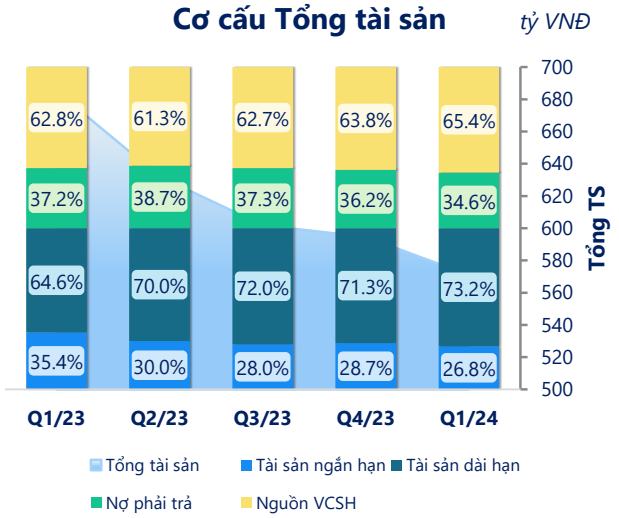

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

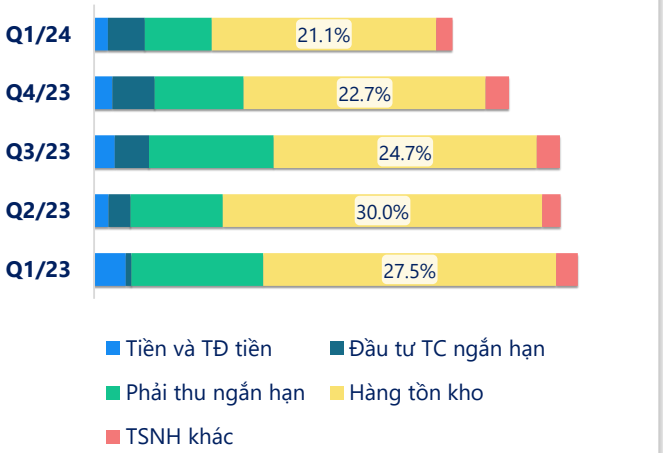

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

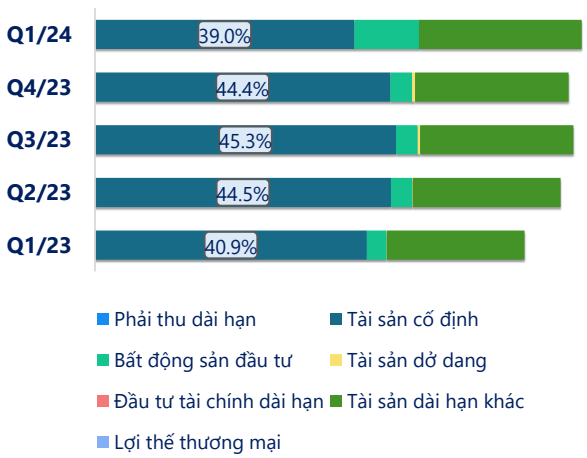

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

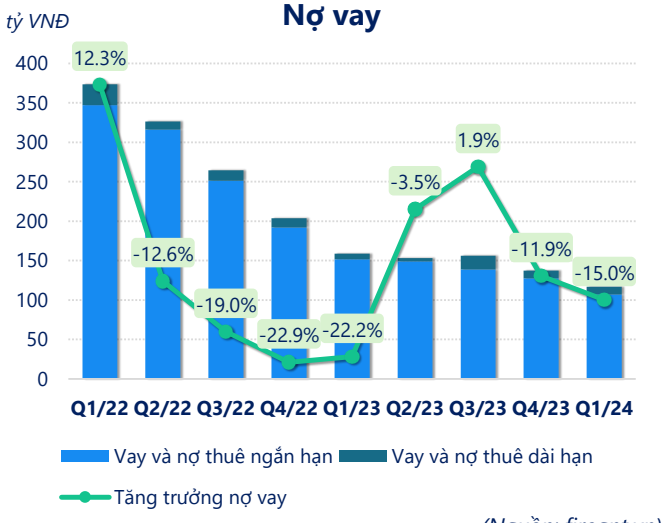

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

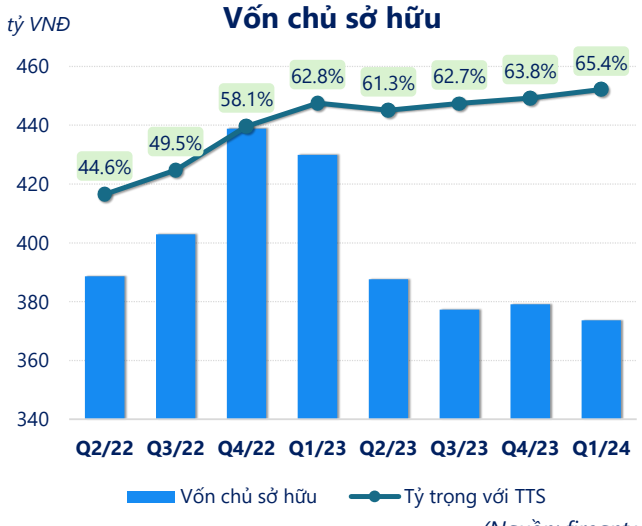

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

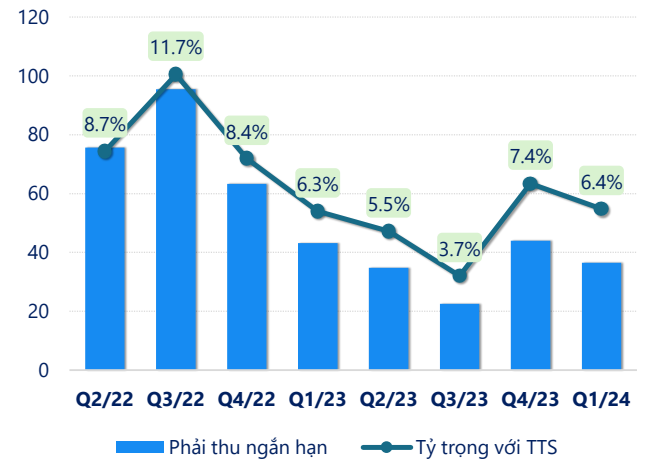

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

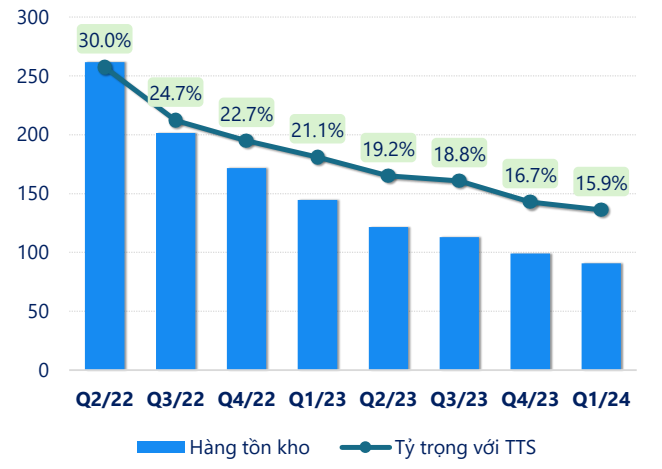

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

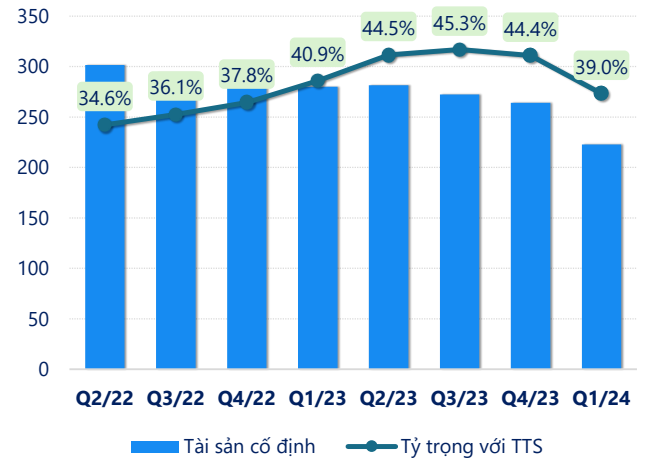

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

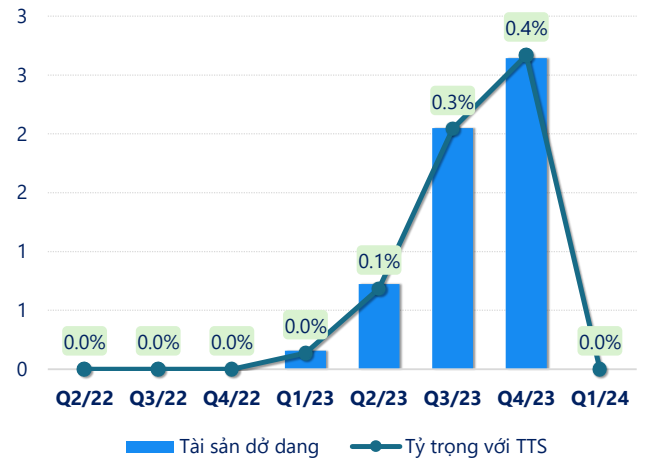

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

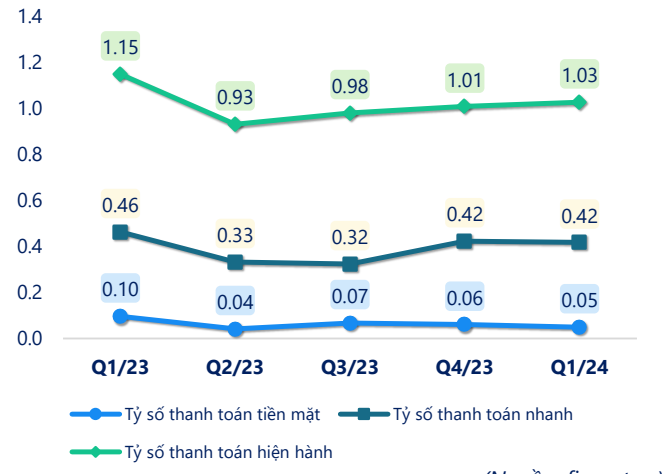

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

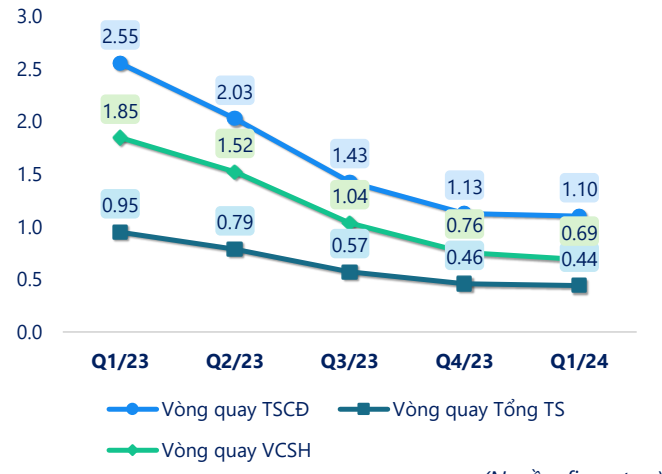

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**685**	**632**	**602**	**595**	**571**
Tài sản ngắn hạn	**242**	**189**	**169**	**171**	**153**
Tiền và tương đương tiền	20.3	8.51	11.6	10.2	7.36
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.8	14.5	12.5	7.17	5.56
Phải thu ngắn hạn	43.1	34.8	22.5	44.0	36.5
Hàng tồn kho	145	122	113	99.1	90.7
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	9.95	9.05	10.3	12.7
Tài sản dài hạn	**443**	**443**	**433**	**424**	**418**
Phải thu dài hạn	0.20	0.01	0.04	0.04	0.04
Tài sản cố định	280	281	273	264	223
Bất động sản đầu tư	20.4	20.1	19.8	19.5	55.5
Tài sản dở dang	0.16	0.72	2.05	2.64	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	142	140	139	137	140
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**255**	**244**	**225**	**216**	**197**
Nợ ngắn hạn	**211**	**203**	**172**	**169**	**149**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	152	149	139	128	107
Phải trả người bán ngắn hạn	40.7	40.3	16.3	25.2	22.5
Nợ dài hạn	44.1	41.1	52.7	46.1	48.6
Vay và nợ thuê dài hạn	6.83	4.04	17.4	9.84	9.85
Nguồn vốn chủ sở hữu	**430**	**388**	**377**	**379**	**374**
Vốn chủ sở hữu	**430**	**388**	**377**	**379**	**374**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)